TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 14-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân Tìm

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú, nơi ở: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T1 và bà Tô Thị H; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 99 ngày 09/6/2011 và số: 142 ngày 23/7/2012, Công an huyện Kim Thành xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, bị cáo đã chấp hành xong quyết định.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 29/11/2017 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Đặng Thị T2, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Văn C *(là chồng chị T2)*, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1981 và anh Đặng Văn H1 *(là chồng chị T3)*, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Kim H2, sinh năm 1976 và anh Nguyễn Văn T4 *(là chồng chị H2)*, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Thanh T5, sinh ngày 06/9/2000;

Nơi cư trú: Khu 2, phường C, TP. H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Anh Bùi Gia T6, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu sài cá nhân, khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/10/2017, Đặng Văn T đi bộ qua cổng nhà anh Nguyễn Văn C ở cùng thôn, thấy cửa cổng mở, có chiếc xe mô tô dựng ở lán để xe nhưng không có người trông giữ. T đã nảy sinh ý định trộm cắp xe. T đi vào trong lán để xe dắt chiếc xe mô tô có đặc điểm nhãn hiệu Wave RS, màu đỏ - đen, biển số: 34M2-xxxx ra ngoài đường. Trên ổ khóa điện của xe còn cắm chìa khóa nên T mở khóa nổ máy đi ra Quốc lộ 5A, điều khiển lên khu vực ngã ba T thuộc địa phận phường A, TP. H, tỉnh Hải Dương. Tại đây, T gặp anh Bùi Thanh T5 và anh Bùi Gia T6 *(giữa T, T5 và T6 có mối quan hệ xã hội, quen biết nhau từ trước)*, T hỏi vay của anh T5 3.500.000 đồng và nói đây là xe mô tô của T sẽ đưa cho anh T5 cầm để làm tin. Anh T5 đồng ý đưa tiền cho T, sau đó điều khiển xe mô tô đến để tại quán cầm đồ của anh Vũ Đình H3, sinh năm 1990, trú tại: Khu 3, phường C, TP.H, tỉnh Hải Dương. Ngày 30/10/2017, Công an TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương kiểm tra hành chính tại quán cầm đồ của anh H3 phát hiện và quản lý xe mô tô biển số: 34M2-xxxx *(do không có giấy tờ xe)*. Căn cứ

thông báo truy tìm vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, Công an thành phố Hải Dương đã bàn giao lại chiếc xe mô tô biển số: 34M2 - xxxx cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/10/2017, T đi bộ qua cổng nhà chị Nguyễn Thị T3 ở cùng thôn, thấy cửa cổng mở và có 02 xe mô tô đang dựng ở sân trước cửa nhà mẹ chồng chị T3 *(nhà chị T3 và mẹ chồng chung cổng và sân)*, xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, mầu xanh, biển số: 34L1-xxxx dựng tại vị trí cách cổng bên trái *(hướng từ cổng vào)* khoảng hơn 2m, bên phải cách xe mô tô biển số: 34L1-xxxx khoảng 1m là xe mô tô nhãn hiệu Smash, màu đỏ, biển số: 34M2-xxxx *(hai xe mô tô này dựng song song đầu xe quay vào trong tường bao giáp đường thôn V, xã T)*. Thấy không có người trông coi, quản lý, T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô. T vào trong sân và dắt chiếc xe mô tô biển số: 34L1-xxxx ra ngoài đường. Trên ổ khóa điện của xe còn cắm chìa khóa nên T nổ máy điều khiển xe lên khu vực cổng phụ khu công nghiệp L tháo, vứt biển số xe, sau đó bán chiếc xe mô tô này cho một người thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 1.200.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 29/11/2017, T đi bộ một mình qua cổng nhà chị Hoàng Thị Kim H2 ở thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương thấy cửa cổng nhà chị H2 đóng nhưng không khóa và có một chiếc xe đạp điện màu đỏ, không có biển số đang dựng ở giữa sân trước cửa nhà, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp điện này. T dùng tay mở then chốt giữa hai cánh cửa cổng và đi vào trong sân dắt chiếc xe đạp điện ra ngoài đường. Trên ổ khóa điện của xe vẫn còn cắm chìa khóa nên T mở khóa điện, điều khiển xe đi về xã L và bán chiếc xe đạp điện cho chị Nguyễn Thị L với giá 300.000 đồng. Ngày 30/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành quản lý, thu giữ chiếc xe đạp điện có đặc điểm màu đỏ, không có biển số do chị Nguyễn Thị L giao nộp.

Tại các kết luận định giá tài sản số: 55, 57 và 58 ngày 28/11/2017 và ngày 30/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Wave RS, biển số: 34M2-xxxx có trị giá là 6.300.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, biển số: 34L1-xxxx có giá trị là 3.600.000 đồng; xe đạp điện có giá trị là 1.050.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSKT ngày 05/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng: Khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản

1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29/11/2017. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Đặng Văn T có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T3 và anh Đặng Văn H1 trị giá xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, biển số: 34L1-xxxx, bằng tiền là 3.600.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đặng Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 17/10/2017, 27/10/2017 và 29/11/2017, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu. Đặng Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RS, màu đỏ - đen, biển số: 34M2-xxxx trị giá 6.300.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Văn C chị Đặng Thị T2; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu xanh, biển số: 34L1-xxxx trị giá 3.600.000 đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị T3 anh Đặng Văn H1; 01 chiếc xe đạp điện, màu đỏ, không có biển số trị giá 1.050.000 đồng của vợ chồng chị Hoàng Thị Kim H2 anh Nguyễn Văn T4. Tổng giá trị tài sản, bị cáo T chiếm đoạt là 10.950.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đặng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 *(nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015)*. So sánh hình phạt giữa Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 với Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xác định hình phạt quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn hình phạt quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên

truy tố bị cáo về tội phạm trên theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định bổ sung một số tình tiết định tội tại các điểm a, c, d, đ so với khoản 1 Điều 138 của bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có lợi cho người phạm tội so với quy định tại khoản 1 Điều 138 của bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tòa án xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ mất tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm nhiều lần về cùng một loại tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra đầu thú tại Cơ quan Công an, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, người bị hại là anh H1 chị T3 đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 và năm 2012, đã bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra quản lý một xe mô nhãn nhiệu Wave RS, mầu đỏ-đen, biển số: 34M2-xxxx cùng giấy đăng ký xe số: 0019965 cấp ngày 06/04/2006, mang tên chủ xe Đặng Thị T2, là tài sản của vợ chồng chị Đặng Thị T2 anh Nguyễn Văn C; một chiếc xe đạp điện màu đỏ, không có biển số, là tài sản của vợ chồng chị Hoàng Thị Kim H2 anh Nguyễn Văn T4. Ngày 14/11/2017 và 01/12/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy tờ xe cho anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Kim H2. Vợ chồng chị T2 anh C và chị H2 anh T4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Tòa án không phải giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, biển số: 34L1-xxxx, là tài sản của vợ chồng chị T3 anh H1. Sau khi trộm cắp, bị cáo khai vất biển số xe tại khu ruộng gần cổng phụ khu công nghiệp L và bán xe cho một người thanh niên không biết

tên tuổi địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành không thu hồi được. Chị Nguyễn Thị T3 và anh Đặng Văn H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của người bị hại, buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị T3 anh H1 trị giá xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, biển số: 34L1-xxxx, bằng tiền là 3.600.000 đồng.

[6] Đối với số tiền 3.500.000 đồng anh T5 cho T vay và số tiền 300.000 đồng chị L mua xe của T, anh T và chị L đều xác định số tiền không lớn nên không yêu T phải hoàn trả lại nên Tòa án không xét.

[7] Trong vụ án này, anh Bùi Thanh T5, anh Vũ Đình H3 và chị Nguyễn Thị L khi nhận, cầm xe và mua xe của bị cáo T, không biết xe do phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội và phải bồi thường thiệt hại, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29/11/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đặng Văn T có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T3 và anh Đặng Văn H1 trị giá xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, biển số: 34L1-xxxx, bằng tiền là 3.600.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm; đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn